

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 173/2021/DS-PT
Ngày: 29 – 9 – 2021
V/v: “Tranh chấp hợp đồng đặt cọc
và bồi thường thiệt hại”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK**

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Duy Tuấn.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Ngọc Sâm;
Bà Đinh Thị Tuyết.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Trang; Chức vụ: Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk: Trương Thị Thu Thủy - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 29/9/2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 140/2021/TLPT-DS ngày 17/8/2021 về việc “Tranh chấp hợp đồng đặt cọc và bồi thường thiệt hại”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 63/2021/DS-ST ngày 25/5/2021 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột bị kháng cáo, kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 169/2021/QĐ-PT ngày 26/8/2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Lưu Thị Hồng N; địa chỉ: Số 46B đường V, thành phố T, tỉnh Đắk Lắk; có mặt.

2. Bị đơn (phản tố): Ông Huỳnh Bá C, bà Vũ Thị Tường Vi.

Người đại diện theo uỷ quyền của bà Vi: Ông Huỳnh Bá C; có mặt.

Cùng địa chỉ: 31-33 Xô Viết Nghệ Tĩnh, phường Tân Tiến, thành phố T, tỉnh Đắk Lắk.

3. Người kháng cáo:

- Ông Huỳnh Bá C; là bị đơn.

4. Người kháng nghị: Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột.

NỘI DUNG VỤ ÁN

*** Nguyên đơn bà Lưu Thị Hồng N trình bày:**

Do là bạn hàng thường xuyên mua bán qua lại với nhau, nên ngày 30/7/2020 tôi có đặt mua của bị đơn 40 thùng khẩu trang hiệu Trí Đức (4 lớp) với giá

4.400.000đồng/ thùng = 176.000.000đồng. Tôi đã đặt cọc số tiền = 50.000.000đồng (trong đó 3.000.000đồng tiền mặt và 47.000.000đồng chuyển khoản). Theo thỏa thuận: Sáng ngày hôm sau (31/7/2020) tôi đến nhận hàng thì chưa có hàng, ông C nói tôi phải đợi, tôi nói đưa tôi nhận trước một thùng để cho khách hàng xem, khi nhận hàng tôi đã mở ra kiểm tra thì thấy không phải loại khẩu trang mà tôi đã đặt (không có nhãn mác, xuất xứ và khẩu trang chỉ có 3 lớp). Do vậy, tôi liền trả lại, nhưng ông C không chịu nhận và đóng cửa hàng, buộc tôi phải chờ thùng hàng này về nhà. Sau đó tôi đã gọi điện cho ông C nhiều lần để chấm dứt việc mua bán và yêu cầu ông C trả lại cho tôi số tiền đã đặt cọc. Do bị đơn không chịu trả, nên tôi khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn phải trả cho tôi số tiền cọc = 50.000.000đồng và lãi suất theo mức vay của Ngân hàng tính từ ngày nhận cọc cho đến khi thanh toán xong nợ.

Ông C làm đơn phản tố yêu cầu tôi phải bồi thường số tiền 94.800.000đồng là hoàn toàn vô căn cứ nên tôi không chấp nhận, bởi: Tôi không có lỗi trong việc này và cũng không gây thiệt hại gì cho ông C. Còn việc tôi yêu cầu cơ quan chức năng can thiệp là do ông C không thực hiện đúng như thỏa thuận. Một thùng hàng ông C giao cho tôi không đúng chủng loại nên tôi yêu cầu cơ quan chức năng kiểm chứng. Còn việc cơ quan chức năng xử lý ông C như thế nào là phụ thuộc vào sự đúng sai của ông C, tôi không phải chịu trách nhiệm đến việc làm sai trái của ông C.

*** Bị đơn ông Huỳnh Bá C trình bày:**

Tôi xác nhận ngày 30/7/2020 cô N có đặt cọc cho tôi 50.000.000đồng để mua của tôi 40 thùng khẩu trang với giá 4.400.000đồng/ thùng = 176.000.000đồng (trong đó 3.000.000đồng tiền mặt và 47.000.000đồng chuyển khoản). Tuy nhiên, khi giao hàng, cô N thấy hàng xuống giá nên giả bộ đã nhận của tôi một thùng hàng rồi nói: Do hàng không rõ nguồn gốc, nên không lấy nữa và đòi tôi trả lại tiền cọc.

Do tôi không đồng ý trả lại tiền cọc, cô N đã đến Cục quản lý thị trường và Cơ quan Công an kinh tế thành phố T kiện tôi. Tuy nhiên, kết quả giải quyết của các cơ quan này đã xác định: Thùng hàng mà cô N cho rằng đã nhận của tôi là có nguồn gốc, xuất xứ và đúng chủng loại. Như vậy, tôi không có sai trái gì trong việc mua bán này, nên ngoài số tiền cọc 50.000.000đồng thì cô N còn phải bồi thường cho tôi thêm 94.800.000đồng nữa.

Cụ thể: Khi cô N đặt hàng thì tổng 40 thùng hàng = 176.000.000đồng (hàng tôi đã mua để đó), đến nay rút giá chỉ bán được 780.000đồng/thùng = 31.200.000đồng.

Như vậy, tổng 40 thùng hàng = 176.000.000đồng (giá tại thời điểm đặt cọc) - 31.200.000đồng (giá trị 40 thùng hàng tại thời điểm bà N không nhận hàng cho đến nay) - 50.000.000đồng (tôi đã nhận cọc), thì bà N còn phải bồi thường là: 94.800.000đồng. Đề nghị tòa án xem xét.

*** Tại bản án dân sự sơ thẩm số 63/2021/DS-ST ngày 25/05/2021 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột đã quyết định:**

- Áp dụng khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 144; 145; 146; 147; Điều 227; khoản 3 Điều 228; khoản 1 Điều 232; Điều 271; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Áp dụng Điều 430 Bộ luật dân sự.

- Áp dụng Điều 26 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí tòa án.

*** Tuyên xử:**

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Lưu Thị Hồng N, đối với số tiền 22.800.000đồng.

Buộc ông Huỳnh Bá C, bà Vũ Thị Tường V có nghĩa vụ trả lại cho bà Lưu Thị Hồng N, số tiền đã nhận là: 22.800.000đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Lưu Thị Hồng N, đối với số tiền 27.200.000đồng.

2. Chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của ông Huỳnh Bá C, đối với số tiền 22.800.000đồng.

Không chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của ông Huỳnh Bá C, đối với số tiền 126.000.000đồng.

Ngoài ra Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo cho các đương sự theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 11/6/2021 bị đơn ông Huỳnh Bá C có đơn kháng cáo với nội dung: Đề nghị cấp phúc thẩm xem xét, xét xử lại vụ án theo hướng sửa bản án sơ thẩm – Không chấp nhận đơn khởi kiện của bà Lưu Thị Hồng N. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu phản tố của ông Huỳnh Bá C, bà Vũ Thị Tường V.

Ngày 09/6/2021 Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột ban hành Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 05/QĐ-KNPT-DS ngày 08/6/2021, quyết định kháng nghị toàn bộ bản án sơ thẩm với nội dung:

Đây là vụ án quan hệ tranh chấp là “Tranh chấp hợp đồng đặt cọc và yêu cầu bồi thường thiệt hại” nhưng Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp vụ án là “Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản” là xác định sai quan hệ tranh chấp, vi phạm quy định tại Điều 48, Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bà Lưu Thị Hồng N đã vi phạm hợp đồng đặt cọc mua bán khẩu trang, ông Huỳnh Bá C khẳng định chưa giao thùng hàng nào cho bà N nhưng cấp sơ thẩm xác định hai bên đều có lỗi, trừ tiền 01 thùng hàng bà N đã nhận, buộc ông C phải trả cho bà N số tiền 22.800.000đồng là đánh giá chứng cứ thiếu khách quan, vi phạm quy định tại Điều 108 Bộ luật tố tụng dân sự.

Theo đơn phản tố của ông Huỳnh Bá C, bà Vũ Thị Tường V yêu cầu bồi thường thiệt hại do vi phạm hợp đồng gây ra nhưng khi thỏa thuận hợp đồng, hai

bên không thoả thuận vấn đề bồi thường mà chỉ xác định đặt cọc hợp đồng. Ông C bà V chỉ yêu cầu bà N bồi thường số tiền 94.800.000đồng. Tuy nhiên cấp sơ thẩm chấp nhận 01 phần đơn phản tố của bị đơn đối với số tiền 27.200.000đồng và không chấp nhận yêu cầu phản tố đối với số tiền 126.000.000đồng là không chính xác.

Cấp sơ thẩm áp dụng thiếu khoản 6 Điều 26, Điều 266 Bộ luật tố tụng dân sự; Không áp dụng Điều 328, Điều 584, Điều 585 và Điều 589 Bộ luật dân sự là thiếu sót.

Lời khai của các đương sự có nhiều mâu thuẫn nhưng Toà án không tiến hành đối chất là vi phạm quy định tại Điều 100 Bộ luật tố tụng dân sự;

Đề nghị cấp phúc thẩm xét xử lại theo hướng Sửa bản án sơ thẩm.

Tại phiên toà phúc thẩm, nguyên đơn vẫn giữ nguyên nội dung đơn khởi kiện, bị đơn vẫn giữ nguyên nội dung đơn kháng cáo. Các đương sự không thoả thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk phát biểu quan điểm:

Về thủ tục tố tụng: trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử phúc thẩm cũng như các đương sự đã tuân thủ đúng với qui định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Qua phân tích, đánh giá các chứng cứ, nội dung vụ án: Đề nghị HĐXX áp dụng khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015: Chấp nhận một phần kháng cáo của ông Huỳnh Bá C về yêu cầu phản tố không phải trả lại tiền cọc cho bà Lưu Thị Hồng N. Không chấp nhận kháng cáo về yêu cầu bồi thường của ông C. Chấp nhận Quyết định kháng nghị số 05/QĐ-KNPT-DS ngày 08/6/2021 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột - Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 63/2021/DS-ST ngày 25/05/2021 của Toà án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, ý kiến của các đương sự, của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của bị đơn ông Huỳnh Bá C trong hạn luật định và đã nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm, nên vụ án được giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về quan hệ tranh chấp: Ngày 15/10/2020, bà Lưu Thị Hồng N nộp đơn khởi kiện yêu cầu ông Huỳnh Bá C, bà Vũ Thị Tường V trả lại 50.000.000đồng tiền đặt cọc mua khẩu trang. Ngày 06/11/2020, ông Huỳnh Bá C làm đơn phản tố yêu cầu Toà án không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà N về việc buộc ông C, bà V phải trả lại tiền đặt cọc và yêu cầu bà Lưu Thị Hồng N bồi thường thiệt hại số tiền 94.800.000đồng. Đây là vụ án quan hệ tranh chấp hợp đồng đặt cọc và yêu cầu bồi thường thiệt hại nhưng Toà án cấp sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp vụ án là “Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản” là xác định sai quan hệ tranh chấp, vi phạm quy định tại Điều 48, Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Xét kháng cáo của bị đơn ông Huỳnh Bá C, thấy:

Lời trình bày của nguyên đơn bà Lưu Thị Hồng N và bị đơn ông Huỳnh Bá C, bà Vũ Thị Tường V đều thừa nhận ngày 30/7/2020 giữa ông Huỳnh Bá C, bà Vũ Thị Tường V và bà Lưu Thị Hồng N có thoả thuận với nhau, vợ chồng ông C, bà V sẽ bán cho bà N 40 thùng khẩu trang với giá 4.400.000đồng/thùng = 176.000.000đồng. Giữa 2 bên chỉ thoả thuận bằng miệng, Bà N đã đặt cọc cho ông C, bà V trước số tiền 50.000.000đồng (trong đó bà N đưa trực tiếp cho ông C, bà V 3.000.000đồng tiền mặt và 47.000.000đồng bà N chuyển khoản qua tài khoản của ông Huỳnh Bá C). Bà N, ông C, bà V thoả thuận sáng ngày 31/7/2020 bà N sẽ lên lấy khẩu trang tại cửa hàng Vi Phát của vợ chồng ông C, bà V.

Tại khoản 1 Điều 119 Bộ luật dân sự năm 2015 quy định: *“Giao dịch dân sự được thể hiện bằng lời nói, bằng văn bản hoặc bằng hành vi cụ thể”*. Xét việc đặt cọc tiền để mua hàng *“khẩu trang”* giữa nguyên đơn và bị đơn là có thật, mặc dù giữa 2 bên không ký kết bằng văn bản, nhưng có thoả thuận và cam kết với nhau bằng miệng, đáp ứng điều kiện có hiệu lực của giao dịch dân sự được quy định tại Điều 117 Bộ luật dân sự nên giao dịch có hiệu lực.

Bà Lưu Thị Hồng N cho rằng bà N thoả thuận với ông C, bà V là đặt khẩu trang hiệu Trí Đức, 04 lớp nhưng ngày 30/7/2020, khi bà N đến lấy khẩu trang thì ông C nói phải đợi, ông C đã đưa cho bà 01 thùng khẩu trang để bà N xem trước, bà N phát hiện loại khẩu trang này không có nguồn gốc, xuất xứ, bao bì, nhãn mác nên bà N đã không nhận thùng hàng và yêu cầu ông C, bà V trả lại tiền cọc. Lời trình bày này không được bị đơn thừa nhận, bà N cũng không đưa ra được chứng cứ chứng minh giữa 2 bên có thoả thuận với nhau về nhãn hiệu, mẫu mã khẩu trang phải là hiệu Trí Đức, 04 lớp và tại cấp sơ thẩm bà cũng không đưa ra được chứng cứ chứng minh việc ông C đã đưa cho bà thùng khẩu trang như bà trình bày.

Đồng thời, tại công văn số 785/TB-CQLTT ngày 19/8/2020 của Cục quản lý thị trường tỉnh Đắk Lắk đã báo cáo kết quả xác minh chưa phát hiện Cửa hàng Vi Phát của ông Huỳnh Bá C, bà Vũ Thị Tường V kinh doanh khẩu trang không rõ xuất xứ, không có bao bì, nhãn mác hàng hoá theo như phản ánh của bà Lưu Thị Hồng N và Công an thành phố Buôn Ma Thuột cũng có biên bản xác minh thực tế ngày 09/9/2020, kết luận khẩu trang tại cửa hàng ông C, bà V có đầy đủ giấy tờ chứng minh nguồn gốc, xuất xứ hợp pháp, vì vậy có thể thấy việc bà N không lấy khẩu trang đã vi phạm việc giao kết hợp đồng, bà N đã từ chối thực hiện hợp đồng thì tài sản đặt cọc thuộc về bên nhận đặt cọc, bà N phải chịu mất số tiền cọc là 50.000.000đồng theo quy định Điều 328 Bộ luật dân sự năm 2015. Như vậy, kháng cáo về phần này của bị đơn là có cơ sở chấp nhận.

Đối với kháng cáo của bị đơn yêu cầu bồi thường thiệt hại 94.800.000đồng (tổng 40 thùng hàng = 176.000.000đồng (giá tại thời điểm đặt cọc) - 31.200.000đồng (giá trị 40 thùng hàng tại thời điểm bà N không nhận hàng cho đến nay) - 50.000.000đồng (tôi đã nhận cọc) = 94.800.000đồng, thấy khi thoả thuận hợp đồng, giữa hai bên không có thoả thuận về vấn đề bồi thường và ông Huỳnh Bá C cũng không đưa ra được chứng cứ nào chứng minh có thiệt hại xảy ra, nên không có cơ sở để chấp nhận đơn kháng cáo của bị đơn về phần này.

Từ những nhận định và phân tích trên, xét thấy Toà án cấp sơ thẩm xác định hai bên đều có lỗi, chấp nhận một phần khởi kiện của bà N, trừ tiền 01 thùng hàng bà N đã nhận, buộc ông C phải trả cho bà N số tiền 22.800.000đồng, chấp nhận 01 phần đơn phản tố của bị đơn đối với số tiền 27.200.000đồng và không chấp nhận yêu cầu phản tố đối với số tiền 126.000.000đồng là không đúng quy định. Cần sửa một phần Bản án sơ thẩm theo hướng Chấp nhận một phần kháng cáo của ông Huỳnh Bá C về yêu cầu phản tố không phải trả lại tiền cọc cho bà Lưu Thị Hồng N. Không chấp nhận kháng cáo về yêu cầu bồi thường của ông C.

[4] Xét Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 05/QĐ-KNPT-DS ngày 08/6/2021 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột: Từ những phân tích tại mục [2] [3] phù hợp với kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột nên cần chấp nhận Quyết định kháng nghị trên.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn bà Lưu Thị Hồng N phải chịu án phí đối với phần yêu cầu phản tố của ông Huỳnh Bá C, bà Vũ Thị Tường V được chấp nhận là $50.000.000\text{đồng} \times 5\% = 2.500.000\text{đồng}$. Khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm 1.250.000đồng bà N đã nộp tại biên lai thu số 0013178 ngày 26/10/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố T, bà N còn phải nộp 1.250.000đồng.

Bị đơn ông Huỳnh Bá C, bà Vũ Thị Tường V phải chịu án phí đối với yêu cầu phạt cọc không được chấp nhận là $94.800.000\text{đồng} \times 5\% = 4.740.000\text{đồng}$. Khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm 2.370.000đồng ông C đã nộp tại biên lai thu số 0013382 ngày 22/11/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố T, ông C, bà V còn phải nộp 2.370.000đồng.

[6] Án phí dân sự phúc thẩm: Do được chấp nhận một phần kháng cáo nên bị đơn ông Huỳnh Bá C không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn trả lại cho ông Huỳnh Bá C tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm 300.000đồng theo biên lai thu số 0004230 ngày 15/6/2021 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố T.

[7] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm, không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 2 Điều 308; Điều 309 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 - Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bị đơn ông Huỳnh Bá C. Chấp nhận Quyết định kháng nghị số 05/QĐ-KNPT-DS ngày 08/6/2021 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột - Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 63/2021/DS-ST ngày 25/05/2021 của Toà án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột;

- Áp dụng khoản 3, khoản 6 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 144; 145; 146; 147; Điều 148; Điều 227; khoản 3 Điều 228; khoản 1 Điều 232; Điều 266; Điều 271; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Áp dụng Điều 328; Điều 584; Điều 585 và Điều 589 Bộ luật dân sự;

- Áp dụng Điều 26; Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí tòa án. Tuyên xử:

1. Không chấp nhận khởi kiện của nguyên đơn bà Lưu Thị Hồng N về yêu cầu buộc ông Huỳnh Bá C bà Vũ Thị Tường V phải trả cho bà N số tiền đặt cọc là 50.000.000đồng và lãi suất theo mức vay của Ngân hàng tính từ ngày nhận cọc cho đến khi thanh toán xong.

2. Không chấp nhận yêu cầu phản tố của ông Huỳnh Bá C về việc yêu cầu bà Lưu Thị Hồng N phải bồi thường số tiền 94.800.000đồng.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn bà Lưu Thị Hồng N phải chịu án phí đối với phần yêu cầu phản tố của ông Huỳnh Bá C được chấp nhận là 2.500.000đồng (*Hai triệu năm trăm nghìn đồng*). Khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm 1.250.000đồng bà N đã nộp tại biên lai thu số 0013178 ngày 26/10/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố T, bà N còn phải nộp 1.250.000đồng (*một triệu năm trăm nghìn đồng*).

Bị đơn ông Huỳnh Bá C, bà Vũ Thị Tường Vi phải chịu án phí đối với yêu cầu bồi thường không được chấp nhận là 4.740.000đồng (*Bốn triệu bảy trăm bốn mươi nghìn đồng*). Khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm 2.370.000đồng ông C đã nộp tại biên lai thu số 0013382 ngày 22/11/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố T, ông C, bà Vi còn phải nộp 2.370.000đồng (*hai triệu ba trăm bảy mươi nghìn đồng*).

4. Về án phí dân sự phúc thẩm: Hoàn trả lại cho ông Huỳnh Bá C tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm 300.000đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu số 0004230 ngày 15/6/2021 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố T.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án dân sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- TAND tp. Buôn Ma Thuột;
- Chi cục THA thành phố T;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trần Duy Tuấn